TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày: 20-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hành;

Ông Nguyễn Quang Ninh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Hồng S, tên gọi khác: T; sinh ngày 08 tháng 11 năm 1996; nơi sinh: L, Quảng Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X , xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có 01 tiền án: Bản án số 24/2015/HSST ngày 23-11-2015 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 29-11-2017; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng S:

1- Ông Dương Viết T, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2- Bà Nguyễn Thị Hương T, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị L, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Anh Phạm Vương Tuấn K, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 15 phút ngày 13 tháng 12 năm 2017, Lê Hồng S (bị cáo trong vụ án) điều khiển xe môtô biển đăng ký (BĐK) 73AA – 002.XX đi từ nhà (thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) theo đường liên xã T - D để sang D, khi đang dừng xe sát lan can trên cầu T để nghe điện thoại, Lê Hồng S để ý thấy một người phụ nữ điều khiển xe máy đi hướng T - D ngang qua, có giắt 01 chiếc ví màu đỏ ở ủng chân phải, Lê Hồng S nảy sinh ý định chiếm đoạt để lấy tiền tiêu xài nên sau đó đã điều khiển xe môtô bám theo người phụ nữ này (bà Lê Thị L, ở thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là bị hại trong vụ án), chờ cơ hội để cướp giật. Sau khi đổ xăng ở cây xăng D, bà L theo đường Trạm bơm thôn H, xã D để về nhà, Lê Hồng S bám theo. Khi đến đoạn đường giữa đồng, thấy vắng người, Lê Hồng S tăng tốc độ, đến áp sát phía bên phải bà L, dùng tay trái giật lấy chiếc ví giắt ở chân phải của bà L, tăng tốc độ bỏ chạy về theo đường liên xã, qua cầu T để về nhà. Anh Nguyễn Văn T và anh Phạm Vương Tuấn K (đều trú tại thôn P, xã D, huyện Q) đang đi trên cùng xe môtô BĐK 73 G1 - 185.XX nghe thấy bà L chỉ tay về phía Lê Hồng S, kêu cướp, yêu cầu giúp đỡ nên đuổi theo Lê Hồng S, khi đến đoạn đường phía Nam cầu T (địa phận thôn Q, xã T) thì đuổi kịp và ép sát xe Lê Hồng S, buộc dừng lại. Theo yêu cầu của anh T, anh K, Lê Hồng S quay lại trả ví cho bà L và xin lỗi bà L. Trong lúc bà L và mọi người xung quanh không để ý, Lê Hồng S điều khiển xe trở về nhà mình.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án: Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 22-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Q, kết luận: 01 (một) ví da nữ màu đỏ (thu giữ trong vụ án) trị giá 20.000đồng (bút lục số 47-50).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về Kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng vụ án:

Ngày 13-12-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (CSĐT) đã thu giữ để điều tra 01 ví da và số tiền

2.827.000đồng của bà Lê Thị L; 01 xe môtô loại HONDA Cup 50, BĐK 73AA – 002.XX.

Ngày 29-12-2017, Cơ quan CSĐT trả lại xe môtô loại HONDA Cup 50 BĐK 73AA – 002.02 cho bà Nguyễn Thị T là chủ sở hữu; ngày 08-02-2018 trả lại số tiền 2.827.000đồng và 01 ví da cho bà Lê Thị L.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tài sản giao nộp để phục vụ điều tra vụ án, không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 09/THQCT-KSĐT-SH ngày 18 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Lê Hồng S về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Hồng S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, luận tội chứng minh bị cáo Lê Hồng S đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo Lê Hồng S đã có hành vi cướp giật tài sản của bà Lê Thị L bằng thủ đoạn nguy hiểm dùng phương tiện xe môtô áp sát bà Lê Thị L đang điều khiển xe máy cùng chiều, giật ví tiền của bà L giắt ở ủng chân phải rồi nhanh chống tẩu thoát, tài sản mà bị cáo Lê Hồng S đã chiếm đoạt của bà Lý là 2.847.000đồng đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản; Bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiệm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 (viết tắt là BLHS năm 1999); dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ để phạm tội đối với người cũng đang sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ mức có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng là các tình tiết quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 của BLHS năm 1999 nên giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu và các tình tiết khác theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Hồng S với mức án từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không phải xử lý. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng S:

Ông Dương Viết T trình bày luận cứ bào chữa: Lê Hồng S chịu sự tác động của mặt trái kinh tế - xã hội dẫn đến suy nghĩ sai lầm, lệch lạc nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Lê Hồng S đã nhận thức ra tội lỗi của mình; hậu quả của

tội phạm đối với xã hội nên thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại cũng đã bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, g, p, e khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 1999, xử phạt Bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với Lê Hồng S là quá cao.

Bà Nguyễn Thị Hương T trình bày luận cứ bào chữa:

Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với Lê Hồng S, gia đình Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; Bị cáo đã trả lại cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt, gây thiệt hại không lớn; đã thành khẩn khai báo, biết lỗi nên đã xin lỗi bị hại, ăn năn hối cải; bị hại đã xin giảm nhẹ cho Bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Hồng S do Bị cáo phạm tội là tự phát, không nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, động cơ mục đích đơn giản, nhất thời; Bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị quyết định mức hình phạt nhẹ nhất.

- Bị cáo Lê Hồng S khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh; lời luận tội của Kiểm sát viên; Đồng ý với lời bào chữa của Luật sư Dương Viết T và Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Hương T đã bào chữa cho mình; chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật, xin lỗi bị hại; xin được Hội đồng xét xử xem xét, xử nhẹ đối với Bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn; hứa cố gắng cải tạo tốt để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm ăn lương thiện; lao động, làm việc tạo thu nhập chính đáng; hành động có suy nghĩ để tránh vi phạm pháp luật.

- Bị hại trình bày ý kiến:

Bà Lê Thị L nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên; xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo vì hoàn cảnh gia đình Bị cáo đang khó khăn; không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại, không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Xe môtô loại HONDA Cup 50, BĐK 73AA – 002.XX là của Bà; việc Lê Hồng S, con trai Bà sử dụng xe này vào việc phạm tội, Bà hoàn toàn không biết. Bà đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo Lê Hồng S thống nhất, hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 13 tháng 12 năm 2017, bị cáo Lê Hồng S đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, với thủ đoạn lợi dụng việc cất giữ tài sản của chủ sở hữu không kín đáo, lại đang điều khiển phương tiện giao thông; đoạn đường trống trãi, thời điểm ít người đi lại để dùng phương tiện giao thông áp sát, giật lấy ví tiền trên người của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, mục đích chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu dùng cá nhân. Tài sản đã chiếm đoạt có tổng giá trị là 2.847.000đồng của chủ sở hữu tài sản là bà Lê Thị L. Hành vi của bị cáo Lê Hồng S thuộc lỗi cố ý, Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự (Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12, viết tắt là BLHS năm 1999), thì: *"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;..."

Hành vi giật tài sản của bà Lê Thị L đang trực tiếp quản lý của bị cáo Lê Hồng S đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản quy định tại khoản 1 Điều 136 của BLHS năm 1999. Về tình tiết tăng nặng định khung: Bị cáo Lê Hồng S phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 của BLHS năm 1999, nên thuộc tình tiết quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 của BLHS năm 1999 (không thuộc tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999). Bị cáo sử dụng phương tiện là nguồn nguy hiểm cao độ vào việc phạm tội đối với người cũng đang điều khiển vận hành nguồn nguy hiểm cao độ nên có khả năng cao gây ra tai nạn có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng làm thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng cho người điều khiển (bị hại trong vụ án); gây ra thiệt hại về tài sản của người khác (phương tiện mà bị hại đang điều khiển và của người khác) là thủ đoạn

nguy hiểm, tình tiết quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của BLHS năm 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện trong thời gian BLHS năm 1999 đang có hiệu lực nên bị xét xử theo quy định của BLHS năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố và lời luận tội, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ pháp luật, đúng thực tế khách quan.

Tội phạm do Bị cáo gây ra gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân trước tình hình an ninh trật tự trên địa bàn diễn biến phức tạp, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp, tương ứng với tính chất vụ án mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Lê Hồng S: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Quảng Ninh 1 lần (giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 2.847.000 đồng), không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 của BLHS năm 1999. Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện qua việc đã bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng ngày 08-8-2012 với thời hạn là 24 tháng.

Về tình tiết giảm nhẹ, Bị cáo đã trả lại tài sản khi chiếm đoạt và thiệt hại do Bị cáo gây ra là không lớn, tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46; thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo nên xem xét giảm nhẹ thêm theo khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999;

Các tình tiết quy định tại các điểm b, e khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 mà người bào chữa đề nghị áp dụng đối với Bị cáo là không phù hợp. Bị cáo phạm tội trong trường hợp có 2 tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 nên cần xử lý nghiêm khắc, đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 đối với Bị cáo là không có cơ sở, không có lý do để được giảm nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự.

[4] Về vật chứng: Cơ quan CSĐT đã thu giữ để điều tra và xử lý trong giai đoạn điều tra đúng theo quy định của pháp luật nên không còn phải xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Hồng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hồng S phạm "*Tội cướp giật tài sản"*.

Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Hồng S 42 (bốn mươi hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 13 tháng 12 năm 2017.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Lê Hồng S phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Lê Hồng S, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q.Ninh;
- Công an huyện Q.Ninh;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- CQ THADS huyện Q;
- CQ THAHS-CA huyện Q.Ninh;
- CQ THAHS-CA tỉnh Q.Bình;
- TAND tỉnh Q.Bình;
- Sở Tư pháp Q.Bình:
- Lưu H.sơ vụ án, lưu TAQN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo